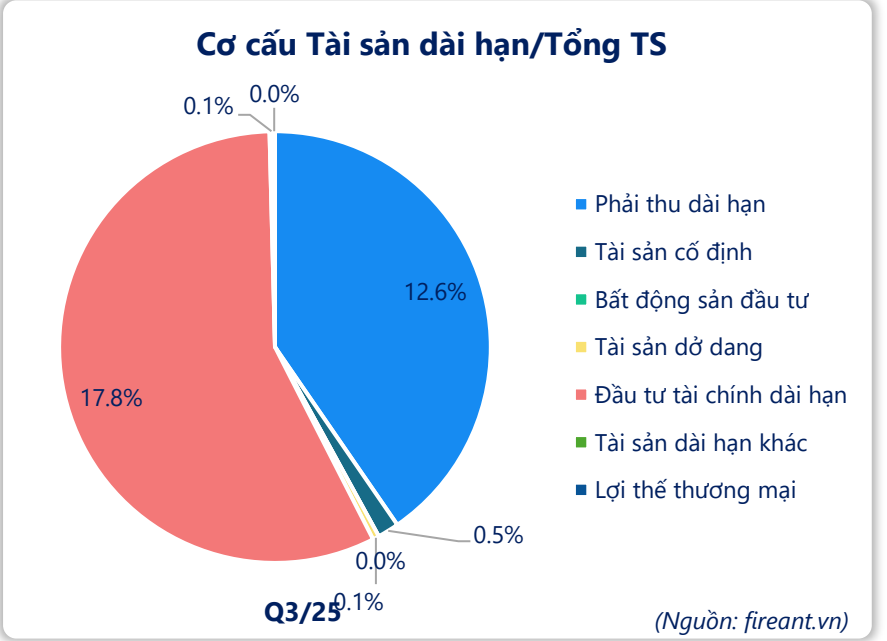
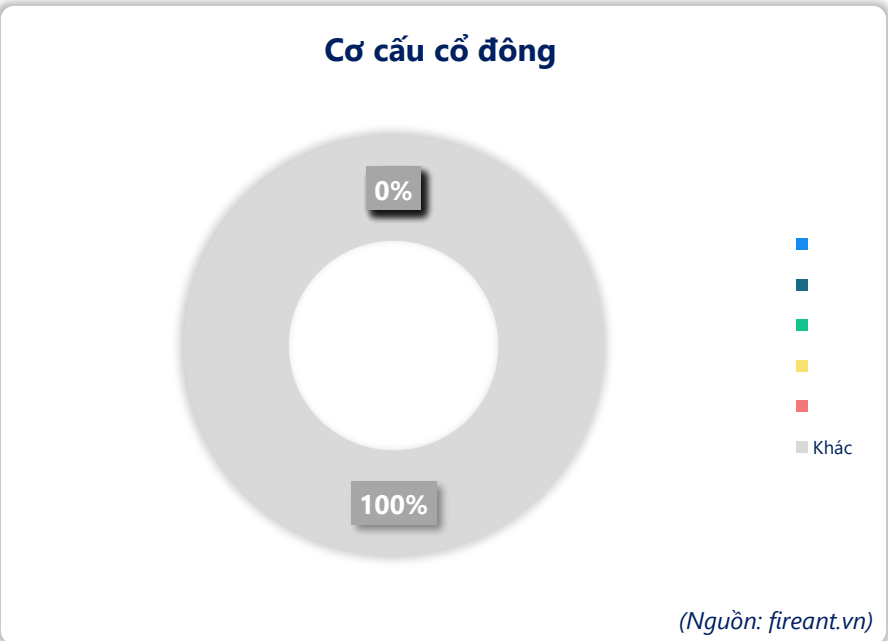
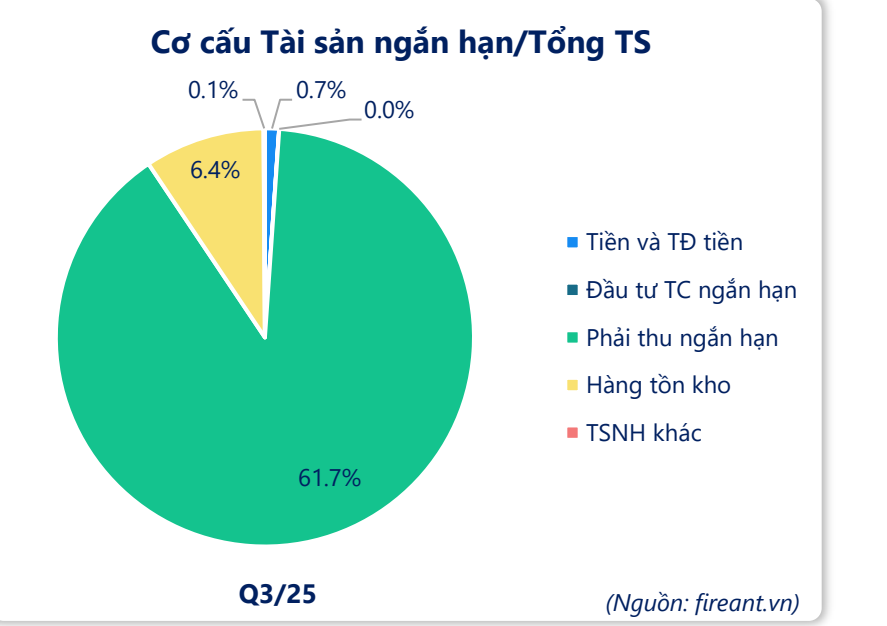
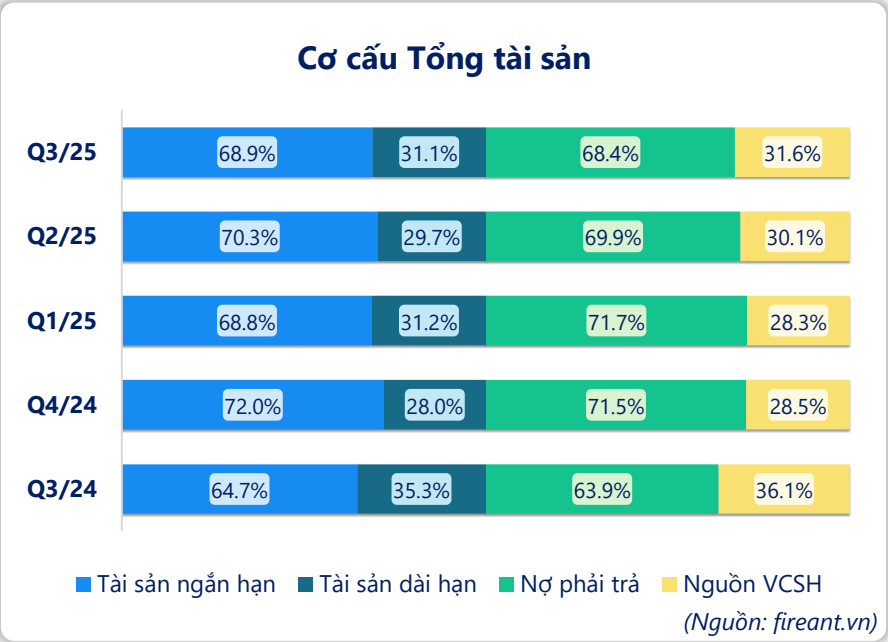
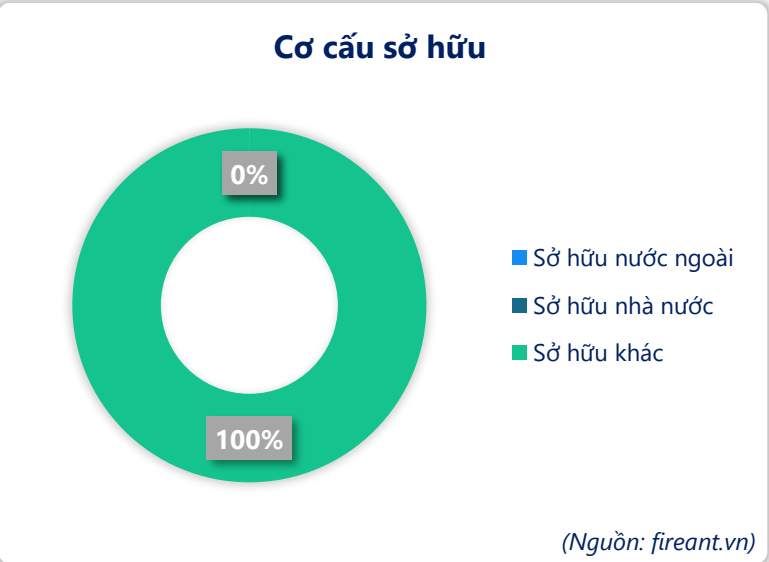
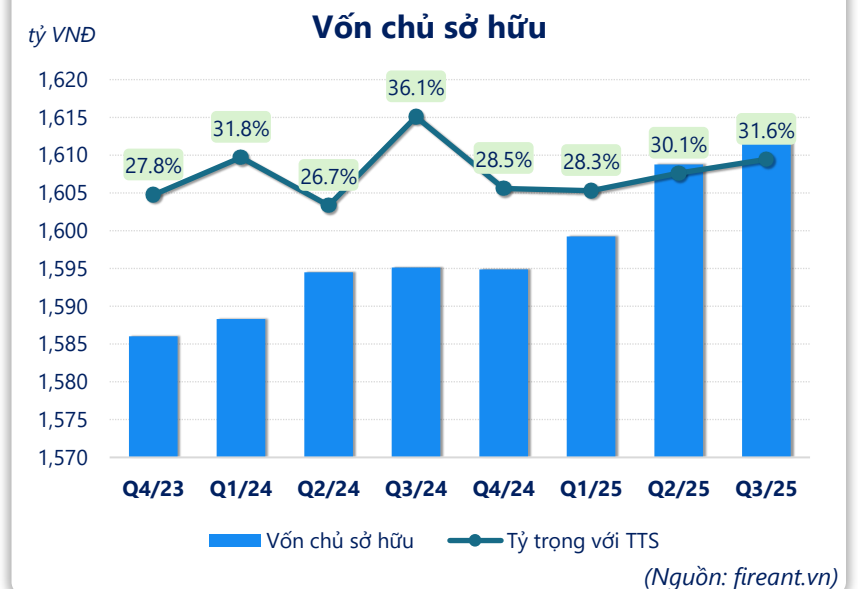
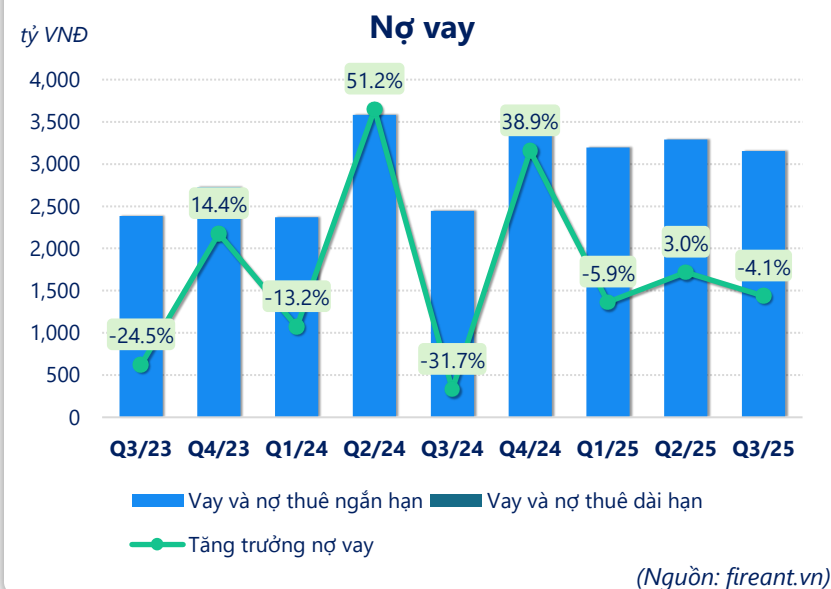
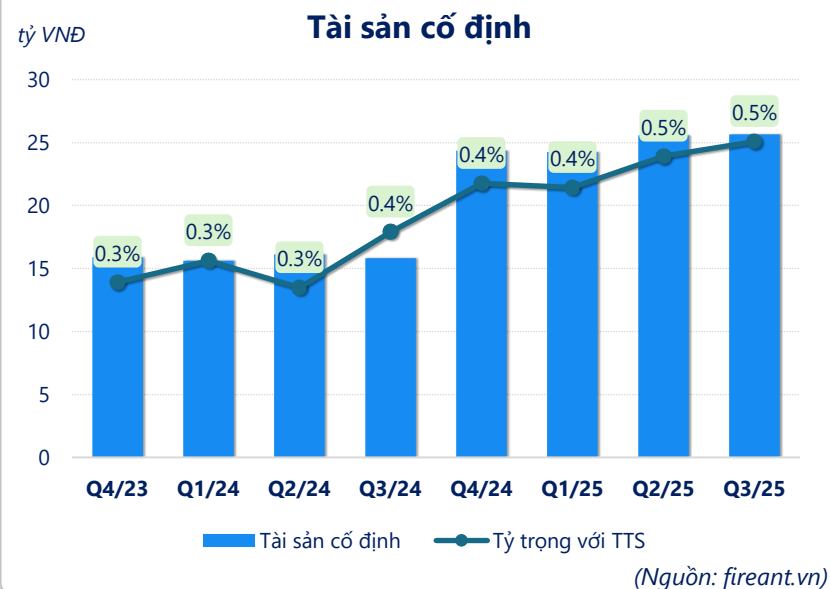
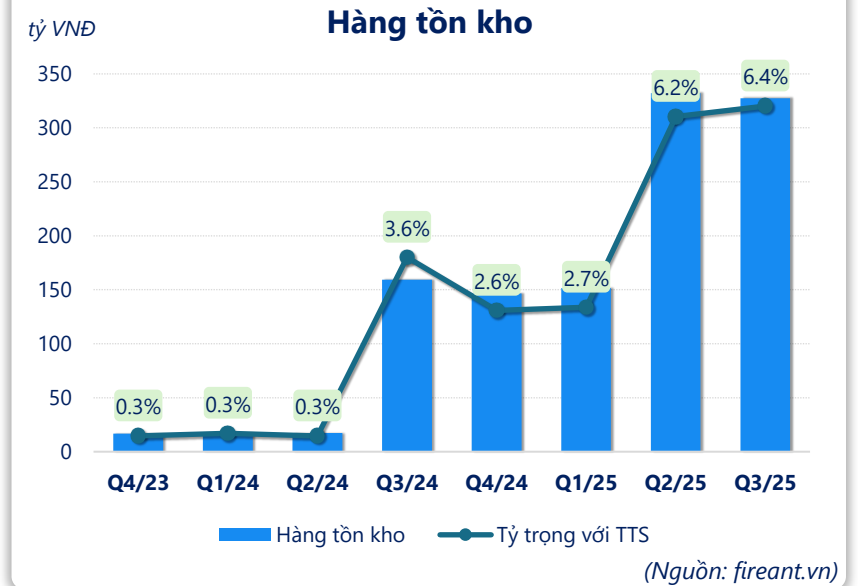
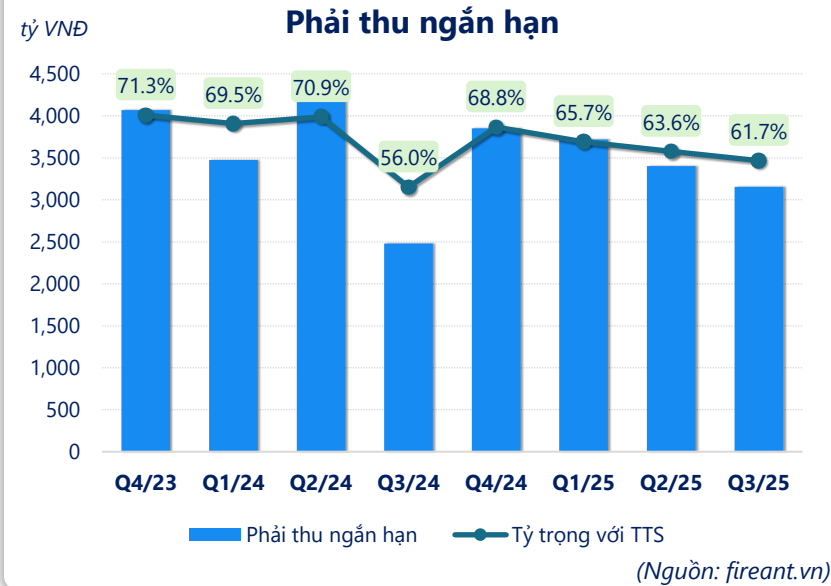
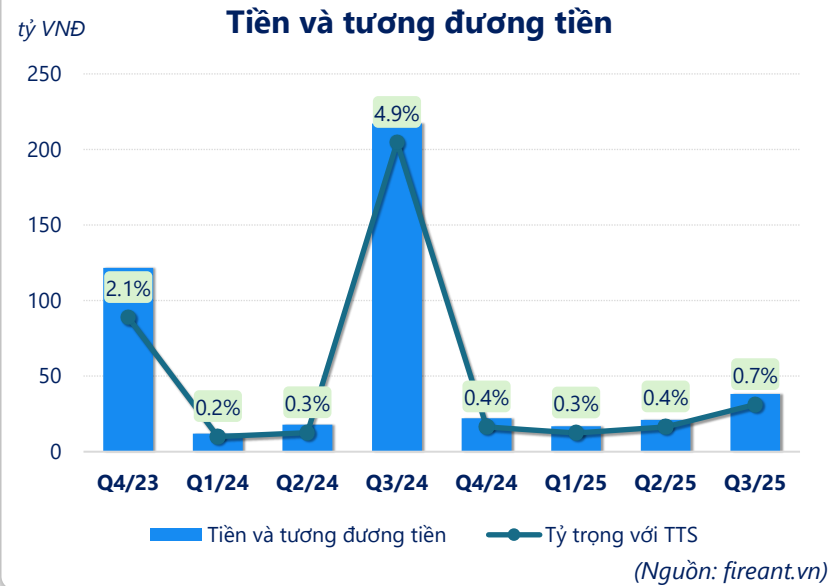
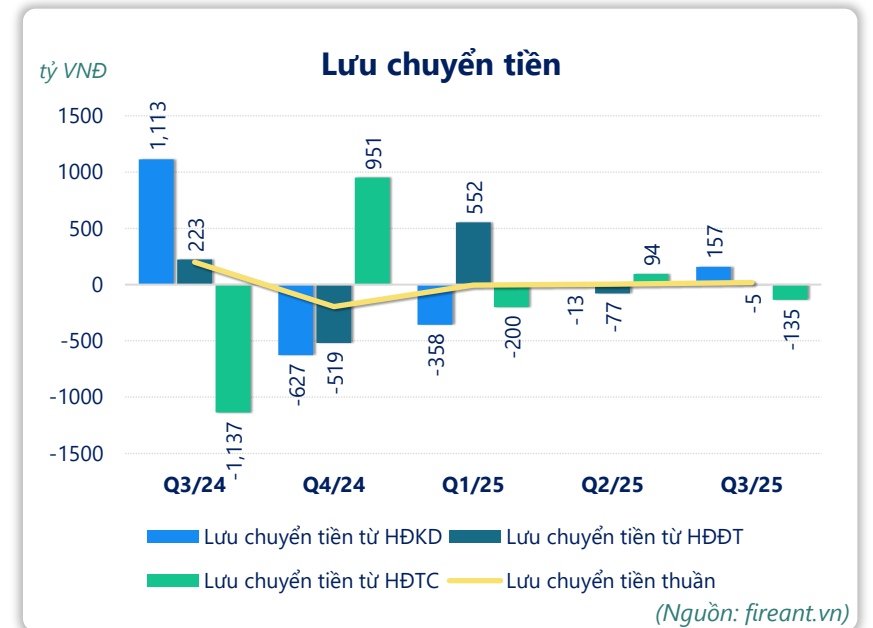
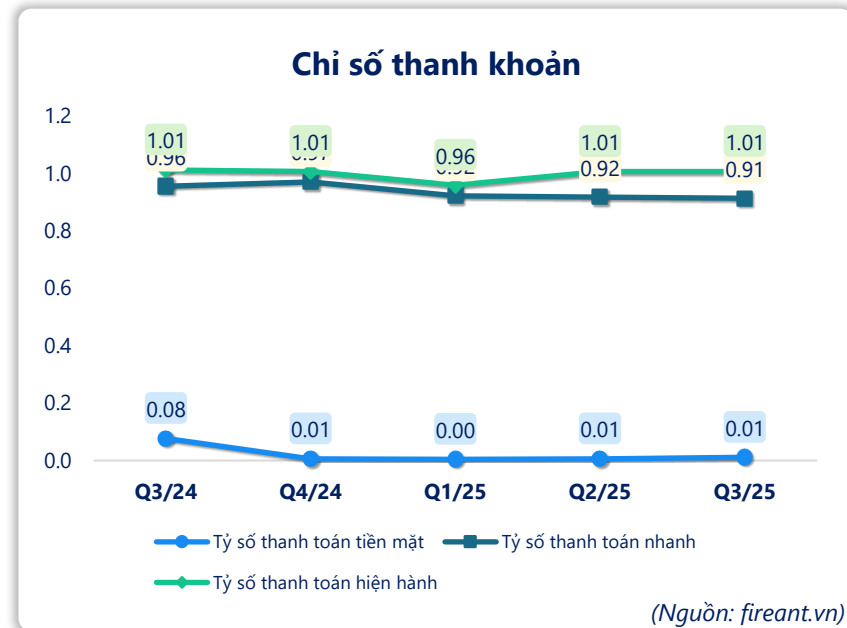
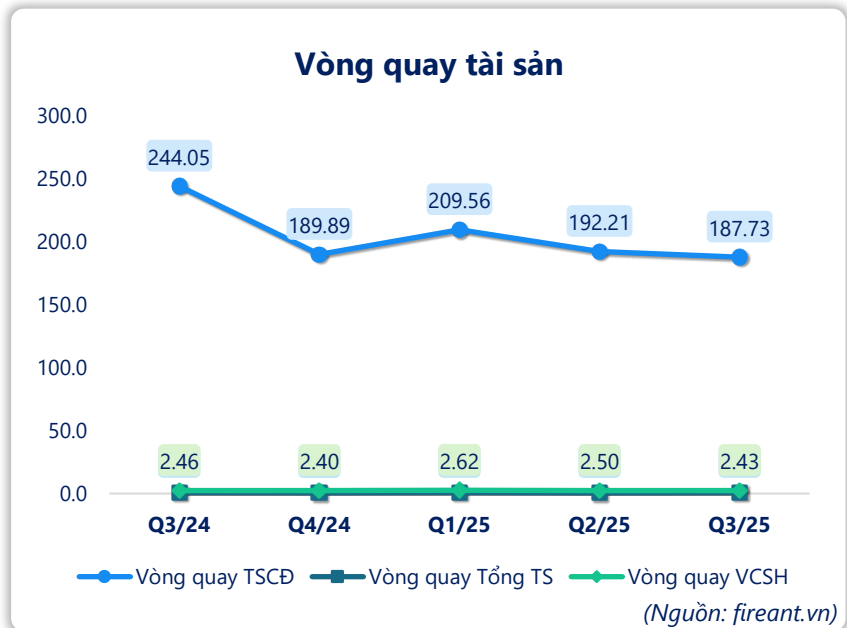
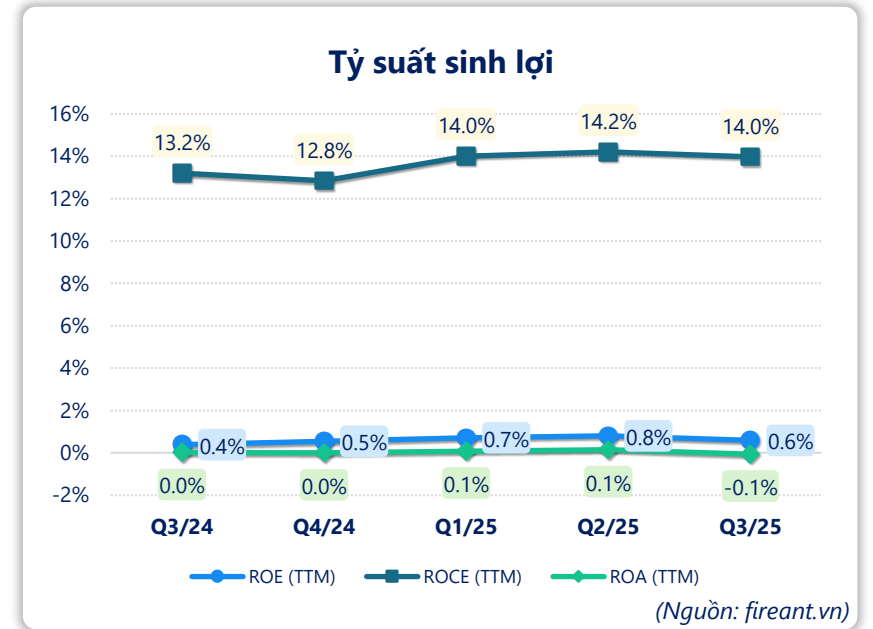
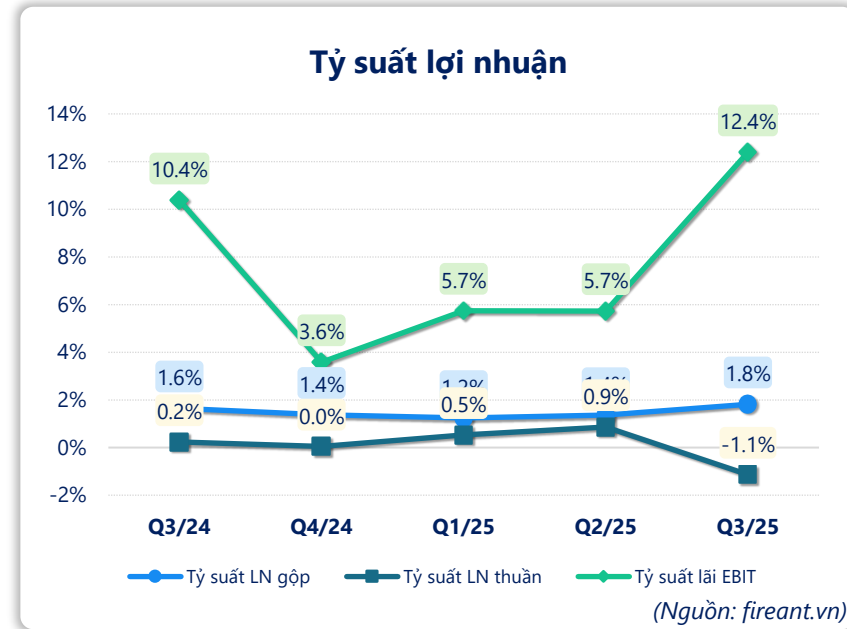
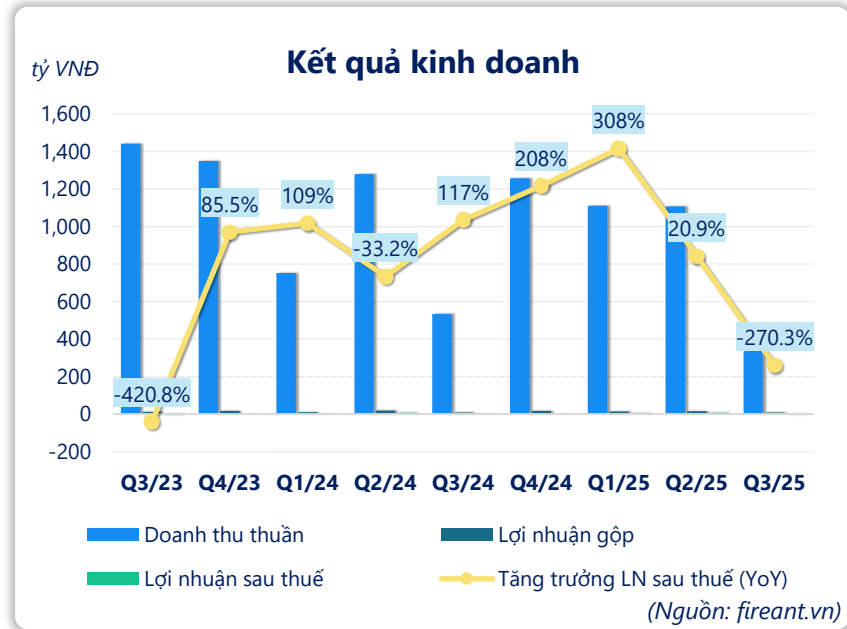


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,300
SL cổ phiếu LH		129,607,147
KLGD BQ 20 phiên (CP)		39,005
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		726
P/E		77.4
EPS		72

	YTD	1T	3T	6T
SHN	-16.4%	-6.7%	-8.2%	-8.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,114	5,601	-8.7%
Tài sản ngắn hạn	3,522	4,032	-12.6%
Tiền và tương đương tiền	38.2	22.0	73.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0	
Phải thu ngắn hạn	3,153	3,851	-18.1%
Hàng tồn kho	327	148	122%
Tài sản ngắn hạn khác	3.78	10.9	-65.4%
Tài sản dài hạn	1,591	1,569	1.4%
Phải thu dài hạn	643	542	18.7%
Tài sản cố định	25.7	24.4	5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.57	182	-95.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	909	818	11.1%
Tài sản dài hạn khác	4.61	0.72	539%
Lợi thế thương mại	1.83	2.52	-27.3%
Nợ phải trả	3,500	4,006	-12.6%
Nợ ngắn hạn	3,500	4,006	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,156	3,396	-7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	223	509	-56.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,614	1,595	1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,614	1,595	1.2%
Vốn điều lệ	1,296	1,296	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	534	1,256	1,110	1,106	421
Giá vốn hàng bán	526	1,239	1,096	1,091	413
Lợi nhuận gộp	8.79	17.3	13.8	15.1	7.64
Doanh thu HĐTC	68.3	48.5	69.6	69.2	65.8
Chi phí TC	67.5	55.8	68.5	60.6	66.8
Chi phí lãi vay	54.6	44.7	56.9	53.9	55.7
LN trong công ty LKLD	0	-2.90	0	-1.70	0
Chi phí bán hàng	2.53	1.35	3.43	4.35	4.39
Chi phí QLDN	5.91	5.19	5.53	8.05	7.05
LN thuần từ HĐKD	1.23	0.54	5.85	9.53	-4.79
Lợi nhuận khác	-0.37	-0.19	0.96	-0.10	1.23
LN trước thuế	0.86	0.35	6.81	9.42	-3.56
Lợi nhuận sau thuế	0.64	-0.25	4.31	7.15	-3.18
LNST của CĐ cty mẹ	0.51	-0.35	4.40	8.30	-2.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,113	-627	-358	-12.8	157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	223	-519	552	-77.4	-4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,137	951	-200	94.4	-135
Tiền đầu kỳ	18.0	217	22.0	16.8	21.0
Lưu chuyển tiền thuần	199	-195	-5.21	4.16	17.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	217	22.0	16.8	21.0	38.2

(Nguồn: fireant.vn)